

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Trúc

Bà Bùi Thị Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vũ Đình H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Trương Thị Phi Y, sinh năm 1990.

HKTT: Ấp S, xã Tân C, huyện N1, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Iwate Ken Kunnohe Gun Karumai Machi Ooaza Karumai 3-50-2, Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 nguyên đơn Vũ Đình H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Y kết hôn năm 2007. Đến năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 250 ngày 23/12/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

đến năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Năm 2018 chị Y đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nên anh H và chị Y không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Đình Hoàng T, sinh ngày 28/11/2009 và Vũ Thị Kim N1, sinh ngày 26/12/2011, hiện hai con đang sống chung với anh H. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Văn bản ý kiến ngày 16/7/2021 chị Trương Thị Phi Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Y đồng ý ly hôn với anh Vũ Đình H.

Về nuôi con: Vợ chồng có hai con chung tên Vũ Đình Hoàng T, sinh ngày 28/11/2009 và Vũ Thị Kim N, sinh ngày 26/12/2011, hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị Mỹ H1. Sau khi ly hôn chị Y đồng ý giao hai con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Văn bản ý kiến không ngày tháng năm bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày: Bà H1 là mẹ ruột của chị Y, hiện nay bà H1 đang chăm sóc hai cháu Vũ Đình Hoàng T và Vũ Thị Kim N1 thay cho anh H. Do tính chất công việc, anh H thường đi làm theo chuY tàu từ Nam ra Bắc nên nhờ bà H1 chăm sóc cháu T, N, khi nào anh H về thì bà H1 giao hai cháu lại cho anh H nuôi dưỡng. Hiện nay chị Y đang làm việc ở nước ngoài, chị Y và anh H ly hôn nên bà H1 đồng ý giao hai cháu T, N cho anh H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai cháu T, N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Vũ Đình H và chị Trương Thị Phi Y là công dân Việt Nam. Anh H có địa chỉ tại tỉnh An Giang khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Y, yêu cầu về nuôi con chung. Chị Y có địa chỉ tại tỉnh Đồng Tháp nhưng hiện nay đang làm việc và tạm trú tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[2] Anh H, chị Y và bà H1 xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Anh H, chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/2009 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh H cho rằng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống xa nhau từ năm 2013 đến nay, không hàn gắn được tình cảm. Năm 2018 chị Y sang Nhật Bản hợp tác lao động, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị Y không có ý kiến phản bác lời trình bày của anh H về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn được chị Y đồng ý là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về nuôi con: Anh H và chị Y có hai con chung tên Vũ Đình Hoàng T, sinh ngày 28/11/2009 và Vũ Thị Kim N, sinh ngày 26/12/2011. Xét thấy, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, do điều kiện làm việc xa anh H phải nhờ bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng hai con trong thời gian anh H đi vắng là phù hợp với lời trình bày của bà H1. **Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung** phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T và N mong muốn được sống chung với anh H. Chị Y cũng đồng ý giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng. Đồng thời, bà H1 đồng ý tự nguyện giao hai cháu T, N cho anh H nuôi dưỡng phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Chị Y không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản và nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị Y không có ý kiến, trình bày vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Đình H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình H.

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Đình H ly hôn với chị Trương Thị Phi Y.

2. Về nuôi con:

Giao hai con chung tên Vũ Đình Hoàng T, sinh ngày 28/11/2009 và Vũ Thị Kim N, sinh ngày 26/12/2011 (hiện nay đang sống chung với bà Nguyễn Thị Mỹ H1) cho anh Vũ Đình H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ giao hai cháu Vũ Đình Hoàng T, sinh ngày 28/11/2009 và Vũ Thị Kim N, sinh ngày 26/12/2011 cho anh Vũ Đình H nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006162 ngày 08/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh H đã nộp xong tiền án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND xã A, M, An Giang;
- Lưu HS, VT (H1).

Huỳnh Kim Oanh